

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ *FASCIOLOSIS* TRÊN ĐÀN BÒ NUÔI XÃ MẬU LÂM, TỈNH THANH HOÁ

Hoàng Văn Sơn¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá độ an toàn và hiệu lực của hai loại thuốc Han-Dertil B (uống) và Dovenix (tiêm dưới da) trong điều trị *Fasciolosis* trên bò nuôi tại tỉnh Thanh Hoá. Thí nghiệm được thực hiện trên 60 con bò, chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm 30 con. Các chỉ tiêu sinh lý (thân nhiệt, tần số mạch đập, tần số hô hấp, nhu động dạ cỏ) được theo dõi trước và sau khi dùng thuốc 6 và 12 giờ. Hiệu lực tẩy sán được đánh giá sau 1, 3 và 6 tuần. Kết quả cho thấy cả hai loại thuốc được sử dụng đều an toàn và hiệu quả cao. Sau 6 tuần điều trị, tỷ lệ bò sạch trứng sán đạt 93,3% với Han-Dertil B và 96,7% với Dovenix.

Từ khóa: *Fasciolosis*, Han-Dertil B, Dovenix, bò.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.81.11.2025.950>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Fasciolosis là một trong những bệnh ký sinh trùng phổ biến trên đàn trâu bò tại Việt Nam, do sán lá gan lớn (*Fasciola* spp.) gây ra. Bệnh có mặt ở hầu khắp các vùng chăn nuôi trong cả nước, với tỷ lệ nhiễm trung bình khá cao: khoảng 50,00% ở miền Bắc và 38,70% ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên [1].

Sán ký sinh chủ yếu ở gan và ống dẫn mật, hút máu hàng ngày, đồng thời tiết ra độc tố làm tổn thương gan và phá huỷ tế bào máu, từ đó gây thiếu máu, gầy yếu, giảm năng suất sinh sản và trong nhiều trường hợp có thể dẫn đến tử vong [4].

Tại xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa - một địa phương thuộc khu vực miền núi, tỷ lệ bò nhiễm *Fasciolosis* lên tới 47,89%, cao hơn mức trung bình toàn quốc (35,0%) [5]. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tìm kiếm các biện pháp điều trị hiệu quả, phù hợp với điều kiện chăn nuôi của người dân địa phương, nhằm góp phần giảm thiểu thiệt hại kinh tế và nâng cao hiệu quả sản xuất chăn nuôi. Bài viết xác định hiệu lực điều trị *Fasciolosis* trên đàn bò bằng thuốc Han-Dertil B và Dovenix.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

60 con bò nhiễm *Fasciola* spp. được nuôi tại xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Các cá thể này được chia đều vào hai nhóm để điều trị bằng hai loại thuốc: Han-Dertil B và Dovenix (mỗi nhóm gồm 30 con).

¹ Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức; Email: hoangvanson@hdu.edu.vn

2.2. Vật liệu nghiên cứu

Mẫu phân được thu thập từ các đối tượng nghiên cứu để phục vụ cho việc xét nghiệm và đánh giá hiệu quả điều trị. Các vật tư, hóa chất và thiết bị phục vụ cho phân tích mẫu được sử dụng tại phòng thí nghiệm Chăn nuôi - Thú y, khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức.

2.3. Nội dung nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp lấy mẫu

Để đánh giá hiệu lực điều trị của thuốc, phân của các cá thể bò đã được chọn điều trị được lấy vào các thời điểm: 1 tuần, 3 tuần và 6 tuần sau tẩy sán. Mục đích là kiểm tra mức độ nhiễm sán còn lại thông qua xét nghiệm phân, từ đó xác định hiệu quả điều trị của từng loại thuốc.

Thời gian lấy mẫu: Từ 5h00 đến 7h30 sáng, nhằm đảm bảo độ tươi của mẫu và giảm thiểu sai số trong phân tích.

Phương pháp lấy mẫu: Sử dụng túi nilon sạch, lộn ngược đeo vào tay, tiến hành lấy phân trực tiếp trong trực tràng bò hoặc lấy ngay khi con vật vừa thải phân ra. Mỗi mẫu lấy khoảng 5 - 10 g, buộc chặt miệng túi, ghi ký hiệu mẫu đầy đủ và lập biên bản ghi nhận quá trình lấy mẫu. Mẫu phân sau khi lấy được bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 8°C và chuyển về phòng thí nghiệm Chăn nuôi - Thú y, khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Trường Đại học Hồng Đức để tiến hành xét nghiệm xác định mức độ nhiễm.

2.3.2. Phương pháp xét nghiệm tìm trứng sán

Sử dụng phương pháp gạn rửa sa lắng trong quy trình chẩn đoán bệnh sán lá gan theo TCVN 8400:2014, cụ thể như sau:

Bảng 1. Phương pháp gạn rửa sa lắng trong quy trình chẩn đoán bệnh sán lá gan theo TCVN 8400:2014

Bước	Nội dung thao tác	Chi tiết
1	Chuẩn bị huyền dịch	Cân 5g phân bò → Cho vào cốc thứ nhất → Thêm 50ml nước cất → Khuấy đều bằng đũa thủy tinh
2	Lọc và lắng lần 1	Lọc qua lưới vào cốc thứ hai → Để lắng 3 phút → Đổ bỏ phần nước trên → Giữ lại phần cặn
3	Rửa cặn (2 lần)	Thêm 50ml nước cất → Khuấy đều → Để lắng 3 phút → Đổ bỏ nước → Giữ lại cặn → Lặp lại thao tác thêm 1 lần
4	Thu mẫu	Đổ phần cặn vào đĩa petri để soi kính hiển vi
5	Soi kính hiển vi	Dùng kính hiển vi (thị kính 10x, vật kính 40x) để quan sát mẫu
Kết luận		Dương tính: Có ≥ 1 trứng sán; Âm tính: Không phát hiện trứng sán.

2.3.3. Phương pháp xác định cường độ nhiễm sán

Xác định các mức độ cường độ nhiễm (CĐN) bằng phương pháp đếm trứng trên sán lá gan trên 1 vi trường kính hiển vi với buồng đếm McMaster [3]. Cụ thể như sau:

Bảng 2. Phương pháp đếm trứng trên sán lá gan trên 1 vi trường kính hiển vi với buồng đếm McMaster

Bước	Nội dung thao tác	Chi tiết
1	Chuẩn bị mẫu	Trộn đều 30 ml huyền dịch phân đã gạn rửa
2	Nạp mẫu	Dùng pipet Pasteur nạp vào 2 ô buồng McMaster (0,5 ml/ô)
3	Soi kính hiển vi	Quan sát ở thị kính 10x và vật kính 40x
4	Đếm trứng	Ghi lại tổng số trứng có trong 1 ml huyền dịch
5	Tính EPG	$EPG = (\text{Số trứng trong 1 ml mẫu} \times 30)/5$
6	Phân loại CĐN	(+) tương đương mức độ nhiễm từ 1 - 20 trứng/gam phân; (++) tương đương mức độ nhiễm từ 21 - 40 trứng/gam phân; (+++) tương đương mức độ nhiễm trên 40 trứng/gam phân.

Nguồn: Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Quang Tuyên (1999),
Ký sinh trùng Thú y, Nxb. Nông nghiệp [3]

2.3.4. Phương pháp xác định độ an toàn của thuốc trong điều trị

60 con bò bị nhiễm sán lá gan được chia ngẫu nhiên làm hai nhóm: 30 con điều trị bằng Han-Dertil B (uống), 30 con bằng Dovenix (tiêm dưới da). Các chỉ tiêu sinh lý (thân nhiệt, tần số mạch đập, tần số hô hấp, nhu động dạ cỏ) được đo tại 3 thời điểm: trước khi sử dụng thuốc, sau khi sử dụng thuốc 6 giờ, 12 giờ.

Thân nhiệt: Sử dụng nhiệt kế thủy ngân, đưa nhiệt kế vào trực tràng từ 5 - 7 cm, giữ trong 2 - 5 phút sau đó rút ra, đọc và ghi kết quả.

Tần số mạch đập: Dùng ngón tay trỏ và giữa đè lên động mạch mặt (dưới góc hàm) hoặc động mạch đuôi. Đè tay vừa phải để có cảm giác mạch nảy rõ. Đếm trong 1 phút, nếu bò không đứng yên thì tính lần đập trong 3 phút rồi chia trung bình.

Tần số hô hấp: Quan sát sự lên xuống của hõm hông thành bụng trong vòng 1 phút hoặc dùng lòng bàn tay đặt trước mũi bò để nhận biết hơi thở (theo dõi trong 15 giây nhân 4, đếm 3 lần rồi lấy trung bình).

Nhu động dạ cỏ: Dùng ống nghe đặt vào hõm hông phía bên trái của bò, xác định số nhu động trong 2 phút.

2.3.5. Phương pháp xác định hiệu lực của thuốc

Đánh giá hiệu quả tẩy trừ của 2 loại thuốc bằng phương pháp phân lô so sánh thường quy, theo sơ đồ bố trí thí nghiệm như bảng dưới:

Bảng 3. Sơ đồ bố trí thí nghiệm đánh giá hiệu quả tẩy trừ của 2 loại thuốc bằng phương pháp phân lô so sánh thường quy¹

Loại thuốc	Tính biệt	Tổng số bò điều trị (con)	Số bò điều trị theo cường độ nhiễm (con)		
			(+)	(++)	(+++)
Han-Dertil B (n = 30 con)	Đực	15	5	5	5
	Cái	15	5	5	5
Dovenix (n = 30 con)	Đực	15	5	5	5
	Cái	15	5	5	5

2.4. Xử lý số liệu

Các kết quả trong các thí nghiệm được thu thập, quản lý bằng Microsoft Excel và xử lý phân tích số liệu bằng ANOVA, độ tin cậy 95%.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá độ an toàn của Han-Dertil B và Dovenix

Để đánh giá độ an toàn của hai loại thuốc tẩy sán lá gan ở bò là Han-Dertil B (dạng uống) và Dovenix (tiêm dưới da), các chỉ tiêu sinh lý bao gồm: thân nhiệt, tần số mạch đập, tần số hô hấp, nhu động dạ cỏ được theo dõi tại ba thời điểm: trước khi dùng thuốc, 6 giờ và 12 giờ sau khi dùng thuốc. Kết quả được trình bày tại bảng 4 và bảng 5.

Bảng 4. Chỉ tiêu sinh lý ở bò điều trị bằng Han-Dertil B (n = 30)

Thời điểm đo	Thân nhiệt (°C) Mean ± SD	Tần số mạch đập (lần/phút) Mean ± SD	Tần số hô hấp (lần/phút) Mean ± SD	Nhu động dạ cỏ (lần/2 phút) Mean ± SD
Trước dùng	38,5 ± 0,3	68 ± 4	22 ± 3	5,2 ± 1,0
Sau 6 giờ	38,6 ± 0,4	70 ± 5	23 ± 2	5,0 ± 1,2
Sau 12 giờ	38,6 ± 0,3	69 ± 4	22 ± 3	5,1 ± 1,1

Bảng 5. Chỉ tiêu sinh lý ở bò điều trị bằng Dovenix (n = 30)

Thời điểm đo	Thân nhiệt (°C) Mean ± SD	Tần số mạch đập (lần/phút) Mean ± SD	Tần số hô hấp (lần/phút) Mean ± SD	Nhu động dạ cỏ (lần/2 phút) Mean ± SD
Trước dùng	38,4 ± 0,3	67 ± 5	21 ± 3	5,3 ± 1,1
Sau 6 giờ	38,5 ± 0,4	68 ± 4	22 ± 2	5,2 ± 1,0
Sau 12 giờ	38,4 ± 0,3	67 ± 3	21 ± 2	5,3 ± 1,2

Các kết quả cho thấy cả hai loại thuốc không gây biến đổi có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$) về các chỉ tiêu sinh lý sau khi sử dụng, cho thấy tính an toàn tốt. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Tsegaye *et al.* (2020) về độ an toàn của Triclabendazole ở bò sữa tại Ethiopia, nơi không ghi nhận thay đổi đáng kể về sinh lý sau điều trị.

¹ - Han-Dertil B: Thuốc viên cho theo đường uống, thành phần 1 viên thuốc gồm Triclabendazole 300 mg và Albendazole 300 mg; một viên dùng cho 50 kg thể trọng.

- Dovenix: thuốc tiêm tẩy trừ giun sán hoạt phổ rộng, thành phần: Nitroxynil 34%; tiêm 1 liều dưới da, liều dùng: 1 ml Dovenix/25 kg thể trọng.

Theo Kaufmann (1996), chỉ số sinh lý của bò khỏe mạnh nằm trong khoảng: thân nhiệt 38,0 - 39,0°C; tần số mạch đập 60 - 80 lần/phút; hô hấp 15 - 30 lần/phút; nhu động dạ cỏ 3 - 6 lần/2 phút. Các giá trị đo được trong nghiên cứu đều nằm trong giới hạn này, khẳng định độ an toàn của cả Han-Dertil B và Dovenix.

3.2. Hiệu lực tẩy sán của thuốc Han-Dertil B và Dovenix

3.2.1. Hiệu lực tẩy sán theo thời gian

Kết quả nghiên cứu tại bảng 3 cho thấy, ở tuần điều trị thứ nhất và thứ ba, Dovenix cho thấy hiệu lực cao hơn so với Han-Dertil B, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Tuy nhiên, đến tuần thứ 6, hiệu lực điều trị giữa hai nhóm không còn sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$), điều này cho thấy rằng Han-Dertil B tuy có tác dụng chậm hơn nhưng vẫn đạt hiệu quả điều trị tương đương Dovenix sau một chu kỳ điều trị đầy đủ. Hiệu quả cao của Dovenix trong giai đoạn đầu có thể được lý giải bởi dạng bào chế tiêm dưới da giúp thuốc nhanh chóng hấp thu vào cơ thể, dẫn đến tiêu diệt sán trưởng thành hiệu quả ngay từ sớm. Trong khi đó, Han-Dertil B là thuốc uống, do đó được động học có thể chậm hơn, phụ thuộc vào khả năng hấp thu qua đường tiêu hóa và tình trạng tiêu hóa của động vật.

Bảng 6. Tỷ lệ bò sạch sán sau điều trị bằng Han-Dertil B và Dovenix

Thời điểm sau điều trị	Tỷ lệ sạch trứng sán (%)	
	Han-Dertil B (%)	Dovenix (%)
Tuần 1	63,3 ^a	70,0 ^b
Tuần 3	83,3 ^a	90,0 ^b
Tuần 6	93,3	96,7

Chú thích: Chữ cái a,b biểu hiện sự sai khác có ý nghĩa giữa các giá trị so sánh trong cùng hàng ($P < 0,05$)

Hiệu quả tăng dần theo thời gian có thể lý giải bởi cơ chế tác động của hoạt chất chính của hai thuốc là Nitroxynil và Triclabendazole (Han-Dertil B có thành phần là Triclabendazole và Albendazol; Dovenix có thành phần là Nitroxynil), có khả năng diệt cả sán trưởng thành và ấu trùng [8]. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Keiser *et al.* (2006), cho thấy hiệu lực của Triclabendazole đạt tới 90% - 100% sau 21 - 28 ngày kể từ khi dùng thuốc. Romero và cộng sự (2019), cho biết việc điều trị bằng Nitroxynil cho kết quả điều cao, tỷ lệ sạch bệnh đạt lần lượt là 91,9% và 99,8% sau 14 và 28 ngày điều trị. Kết quả này tương đương với kết quả điều trị Dovenix trong nghiên cứu này. Tại Việt Nam, Phan Thị Hồng Phúc và cộng sự (2020) khi nghiên cứu thuốc tẩy sán lá gan ở bò tại tỉnh Hà Giang cũng ghi nhận hiệu lực tẩy của 3 loại thuốc Nitroxynil, Triclabendazole và Albendazol đạt 100% sau 15 ngày sử dụng thuốc.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy cả hai loại thuốc Han-Dertil B và Dovenix đều mang lại hiệu quả điều trị Fasciolosis cao trên bò tại xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Tỷ lệ sạch trứng sán sau 6 tuần đạt 93,3% ở nhóm Han-Dertil B và 96,7% ở nhóm Dovenix, khẳng định hiệu quả điều trị rõ rệt của cả hai loại thuốc.

3.2.2. Hiệu lực tẩy sán theo cường độ nhiễm

Khi so sánh hiệu lực theo mức độ nhiễm, kết quả cho thấy tỷ lệ sạch trứng ở nhóm nhiễm (+) và (++) cao hơn so với nhóm nhiễm (+++), điều này phù hợp với nhận định của Nguyễn Quang Tuyên (2015) rằng “cường độ nhiễm cao thường đi kèm với tổn thương lớn ở gan và đường mật, làm giảm hiệu quả thuốc”. Đặc biệt, nhóm điều trị bằng Han-Dertil B cho thấy sự giảm nhẹ về hiệu quả ở nhóm bò nhiễm (+++), có thể do khả năng phân bố và tác động của thuốc bị giới hạn trong điều kiện gan bị tổn thương nghiêm trọng.

Bảng 7. Hiệu lực điều trị theo cường độ nhiễm sau 6 tuần

Mức độ nhiễm	Tỷ lệ sạch trứng sán (%)	
	Han-Dertil B	Dovenix
(+)	100	100
(++)	93,3	96,7
(+++)	86,7	93,3

Các kết quả thu được tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Tấn Hùng và cộng sự (2020) tại Bến Tre khi sử dụng Han-Dertil B, cho hiệu lực đạt 96,67% sau 14 ngày. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, Han-Dertil B đạt hiệu lực 93,3% sau 6 tuần, cho thấy thời gian cần thiết để đạt hiệu quả tối đa có thể dài hơn tùy điều kiện chăn nuôi và thể trạng vật nuôi. Mặt khác, kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với kết luận của Nguyễn Văn Thường và cộng sự (2016) về việc sử dụng Dovenix tiêm dưới da trên trâu tại Bắc Giang, cho hiệu lực đạt 95,0% sau 28 ngày. Tuy nhiên, nghiên cứu hiện tại ghi nhận hiệu lực đạt tới 96,7% sau 6 tuần điều trị, cho thấy tác dụng điều trị bền vững hơn trong điều kiện thực địa tại Thanh Hóa.

4. KẾT LUẬN

Cả hai loại thuốc Han-Dertil B (uống) và Dovenix (tiêm dưới da) đều an toàn khi sử dụng trên bò, không gây thay đổi có ý nghĩa về các chỉ tiêu sinh lý (thân nhiệt, tần số mạch đập, tần số hô hấp, nhu động dạ cỏ).

Thuốc Dovenix cho hiệu quả điều trị *Fasciolosis* cao hơn ở giai đoạn đầu (tuần 1 và tuần 3) ($P < 0,05$). Đến tuần 6, hiệu lực điều trị của cả hai loại thuốc đều đạt mức rất cao (trên 93%) và tương đương nhau, không có sự khác biệt thống kê so với Han-Dertil B ($P > 0,05$). Hiệu quả điều trị giảm nhẹ ở nhóm bò nhiễm nặng (+++), đặc biệt với Han-Dertil B, cho thấy cường độ nhiễm có ảnh hưởng nhất định đến hiệu lực thuốc. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, có thể khuyến nghị sử dụng cả hai loại thuốc trong phòng và trị bệnh sán lá gan lớn trên bò; trong đó, Dovenix nên được ưu tiên trong các trường hợp cần đạt hiệu quả nhanh, nhất là ở đàn bò có tỷ lệ nhiễm cao hoặc biểu hiện lâm sàng rõ rệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Văn Hiền, Phạm Ngọc Doanh, Nguyễn Văn Đức, Phạm Văn Lực, Đặng Thị Cẩm Thạch (2011), *Tình hình nhiễm sán lá gan trâu bò ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, 18(1):65-68.

- [2] Nguyễn Tấn Hùng, Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Hữu Vinh (2020), *Đánh giá hiệu lực điều trị sán lá gan lớn (Fasciola spp.) trên bò tại Bến Tre bằng thuốc Han-Dertil B*, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, 31(2):57-63.
- [3] Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Quang Tuyên (1999), *Ký sinh trùng Thú y*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [4] Phan Thị Hồng Phúc, Nguyễn Quang Tính, Phạm Đức Phúc, Nguyễn Thị Vàng (2020), *Một số đặc điểm dịch tễ bệnh sán lá gan trên đàn bò nuôi tại tỉnh Hà Giang*, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, 27(1):79-84.
- [5] Hoàng Văn Sơn, Khương Văn Nam, Lê Văn Thành, Hà Văn An (2024), *Tình hình nhiễm Fasciola spp. trên đàn bò nuôi tại huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức, (71A):86-92, <https://doi.org/hdujs/10.70117.71.2024.708>.
- [6] Nguyễn Văn Thường, Lưu Văn Năm, Nguyễn Minh Hùng (2016), *Hiệu quả điều trị bệnh sán lá gan lớn trên trâu bằng Dovenix tại Bắc Giang*, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (20):112-117.
- [7] Nguyễn Quang Tuyên (2015), *Một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị sán lá gan trên gia súc tại miền Bắc Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 53(5B):86-92.
- [8] Fairweather I. (2005). *Triclabendazole: new uses for an old drug*. Vet Parasitol, 131(3-4):209-223.
- [9] Kaiser J, Engels D., Büscher G., Utzinger J., (2006), *Triclabendazole for the treatment of fascioliasis*, Expert Opin Investig Drugs, 15(12):1513-1526.
- [10] Kaufmann J. (1996), *Parasites of Cattle*, In: *Parasitic Infections of Domestic Animals*. Birkhäuser, Basel, <https://doi.org/10.1007/978-3-0348-7666-7-3>.
- [11] Romero J., Villaguala C., Quiroz F., Aqueveque C.L., Alfaro G., Perez R. (2019), *Flukicide efficacy against Fasciola hepatica of Triclabendazole and Nitroxynil in cattle of the central valley of Chile*, Rev. Bras. Parasitol. Vet, 28(1):164-167, <https://doi.org/10.1590/S1984-2961201800089>.
- [12] Tsegaye B., Yoseph A., Beyene H., (2020), *Safety and efficacy of triclabendazole in cattle*, Ethiopian Vet J, 24(1):15-24.

EVALUATION OF TREATMENT EFFICACY FOR *FASCIOSIS* IN CATTLE IN NHU THANH DISTRICT, THANH HOA PROVINCE

Hoang Van Son

ABSTRACT

This study was conducted to evaluate the safety and efficacy of two anthelmintic drugs, Han-Dertil B (oral administration) and Dovenix (subcutaneous injection), in the treatment

of Fasciolosis in cattle. A total of 60 cattle was selected and divided into two treatment groups, each comprising 30 animals. Physiological parameters including body temperature, heart rate, respiratory rate, and ruminal motility were monitored prior to treatment and at 6- and 12-hour post-administration. The anthelmintic efficacy was assessed at 1, 3, and 6 weeks after treatment. Results showed that both drugs were safe and highly effective. At six weeks post-treatment, the proportion of cattle with fecal samples negative for Fasciola eggs was 93.3% in Han-Dertil B and 96.7% in Dovenix.

Keywords: *Fasciolosis, Han-Dertil B, Dovenix, cattle.*

** Ngày nộp bài: 5/6/2025; Ngày gửi phản biện: 11/6/2025; Ngày duyệt đăng: 28/11/2025*